

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGÀNH KHAI THÁC THỦY SẢN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

ThS LÊ HOÀNG THÚY

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng

TS HOÀNG HỒNG HIỆP

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

1. Đặt vấn đề

Đà Nẵng là thành phố biển hiện đại nằm ở khu vực miền Trung, có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển, trong đó có lĩnh vực khai thác thủy sản. Để thúc đẩy phát triển ngành khai thác thủy sản gắn với nâng cao thu nhập cho cộng đồng ngư dân, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều chính sách phát triển thủy sản, hỗ trợ phát triển khai thác xa bờ, xả bản phương tiện khai thác ven bờ, bảo hiểm thân tàu, thuyền viên và hỗ trợ các trang thiết bị khai thác, bảo quản sản phẩm, giám sát hành trình... Bên cạnh đó, thành phố cũng đã đầu tư phát triển mạnh cơ sở hạ tầng nghề cá, dịch vụ hậu cần nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu hoạt động của ngành khai thác thủy sản. Tính đến nay, toàn thành phố Đà Nẵng có khoảng hơn 1,2 nghìn phương tiện khai thác thủy sản, trong đó có khoảng 48% là các phương tiện khai thác xa bờ, điều này hoàn toàn phù hợp với chủ trương giảm cường lực khai thác thủy sản cho vùng ven bờ. Giai đoạn 2016 - 2022, thành phố đã có 128 phương tiện khai thác xa bờ được đóng mới, 420 lượt phương tiện đầu tư cải hoán vỏ tàu, nâng công suất máy để hoạt động ở vùng khơi. Sản lượng thủy sản khai thác 11 tháng trong năm 2022 đạt gần 34.000 tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2021¹. Đặc biệt, Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang của thành phố Đà Nẵng đã trở thành một trong những trung tâm nghề cá lớn của khu vực miền Trung và của cả nước.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc triển khai thực hiện các chính sách phát triển thủy sản tại thành phố Đà Nẵng còn gặp phải một số tồn tại, hạn

chế nhất định. Bài viết này tập trung phân tích thực tiễn thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển ngành khai thác thủy sản thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua; đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản của thành phố trong thời gian tới.

2. Khái quát tình hình phát triển khai thác thủy sản của thành phố Đà Nẵng

Tính đến 20-12-2022, toàn thành phố Đà Nẵng có 1.230 tàu đánh bắt thủy sản (không kể 452 thùng chai lắp máy) với tổng công suất là 401.360 CV, công suất bình quân phương tiện khai thác là 326 CV/tàu. Trong đó, số tàu cá có chiều dài dưới 12m (khai thác vùng ven bờ) là 325 chiếc; tàu cá có chiều dài từ 12m đến dưới 15m (khai thác vùng lộng) là 317 tàu; tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên (khai thác vùng khơi) có 588 tàu, chiếm 48% tổng số tàu thuyền thành phố². Theo số liệu của Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2021), các phương tiện khai thác thủy sản có công suất lớn của thành phố tăng lên đáng kể trong giai đoạn 2015 - 2021³, số phương tiện có công suất từ 90 CV trở lên tăng mạnh từ 335 phương tiện vào năm 2015 lên 616 phương tiện vào năm 2021. Đặc biệt, các phương tiện có công suất từ 400 CV trở lên tăng mạnh, từ 119 phương tiện vào năm 2017 lên 616 phương tiện vào năm 2021.

Hiện nay, ngành khai thác thủy sản thành phố Đà Nẵng tập trung chủ yếu vào 05 nhóm nghề chính là nghề câu chiếm 26%; nghề lưới kéo chiếm 2%; nghề lưới rê chiếm 43%; nghề lưới vây chiếm 9%; nghề khác (lồng bẫy, te xúc, mảnh chụp,...) chiếm 20%.

Nhìn chung, cơ cấu ngành nghề khai thác đã có sự chuyển biến đáng kể theo hướng tích cực, giảm mạnh các nghề khai thác hủy diệt nguồn lợi thủy sản (lưới kéo đôi, kéo đơn), tăng các nghề khai thác vùng khơi có hiệu quả kinh tế và giảm nguy cơ gây cạn kiệt nguồn lợi thủy sản ven bờ⁴.

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng (2022), tổng sản lượng khai thác hải sản toàn thành phố Đà Nẵng bình quân hàng năm đạt từ 36.500 - 37.500 tấn và đóng góp từ 60% đến 65% tổng giá trị sản xuất của ngành nông, lâm, thủy sản. Ngoài ra, ngành khai thác thủy sản cũng đã góp phần quan trọng vào giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho trên 6.500 lao động tham gia khai thác hải sản và góp phần thúc đẩy các lĩnh vực công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ, du lịch. Năm 2021, sản lượng khai thác thủy sản toàn thành phố Đà Nẵng đạt 34,1 nghìn tấn, giảm gần 2.000 tấn so với năm 2010 và tương đương với sản lượng thủy sản khai thác của thành phố thời điểm năm 2015⁵. Điều này cho thấy, trong bối cảnh nguồn lợi thủy ngày càng suy giảm và số lượng phương tiện khai thác tăng lên, quy mô sản lượng khai thác trung bình có sự suy giảm rõ rệt. Cụ thể, năm 2015 sản lượng khai thác bình quân phương tiện là 20,1 tấn và sản lượng khai thác cá biển là 16,7 tấn/phương tiện thì đến năm 2021, sản lượng khai thác trung bình trên phương tiện giảm xuống còn 19,1 tấn và sản lượng cá biển chỉ còn 16,1 tấn. Nếu tính bình quân trên đơn vị công suất máy của phương tiện khai thác, thì sản lượng bình quân trên công suất giảm 1/2 so với năm 2015⁶.

3. Thực trạng thực hiện các chính sách phát triển ngành khai thác thủy sản của thành phố Đà Nẵng

3.1. Kết quả triển khai thực hiện Quyết định 47/2014/QĐ-UBND

Quyết định 47/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố Đà Nẵng chủ yếu hỗ trợ kinh phí đóng mới và kinh phí đăng kiểm, đăng ký, đăng ký kinh doanh cho các chủ tàu cá. Theo đó, tùy vào mức công suất khác nhau mà mức hỗ trợ của thành phố cũng khác nhau, đối với các phương tiện từ 400 đến dưới 600 CV được hỗ trợ 500 triệu đồng, từ 600 đến dưới 800 CV hỗ trợ 600 triệu đồng và từ 800 CV trở lên được hỗ trợ 800 triệu đồng; lệ phí đăng ký, đăng kiểm, đăng ký kinh doanh được thành phố hỗ trợ 100%. Theo đó, giai đoạn

2012 - 2019, có 141 phương tiện đóng mới được hưởng lợi từ chính sách này với kinh phí hỗ trợ lên đến 110,85 tỷ đồng; đồng thời, thành phố cũng hỗ trợ phí đăng ký, đăng kiểm và đăng ký kinh doanh lên đến hơn 1,5 tỷ đồng. Trong đó, từ năm 2016 đến 2019, kinh phí hỗ trợ đóng mới bình quân hàng năm đều trên 10 tỷ đồng, riêng năm 2018 có đến 51 phương tiện đóng mới được hỗ trợ với tổng kinh phí lên đến 40,8 tỷ đồng. Phân theo địa phương, trong giai đoạn 2012 - 2019, số phương tiện đóng mới được hỗ trợ chủ yếu là các ngư dân quận Sơn Trà (chiếm 66,67% tổng số phương tiện), tiếp đến là các địa phương quận Hải Châu và Thanh Khê lần lượt là 15,6% số phương tiện đóng mới. Phân theo ngành nghề, các nghề chính được hỗ trợ đóng mới ở thành phố Đà Nẵng là lưới rê (53,19%), lưới vây (21,28%), câu (19,86%)⁷. Bên cạnh việc triển khai thực hiện Quyết định 47/QĐ-UBND trên trong thời gian từ 2012 - 2019, thành phố cũng đã triển khai thực hiện mạnh mẽ Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02-02-2018 của Chính phủ. Theo đó, các phương tiện khai thác thủy sản đóng mới bằng vỏ thép, vật liệu mới có công suất từ 800 CV trở lên được hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

Trong bối cảnh sự phát triển nhanh chóng của các phương tiện khai thác xa bờ đã vượt định hướng phát triển ngành thủy sản của thành phố, ngày 30-10-2018 UBND thành phố đã ban hành Công văn số 8349/UBND-KT về việc dừng chính sách hỗ trợ ngư dân đóng tàu cá theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND; Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 01-02-2019 về việc bãi bỏ một số Quyết định trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT do UBND thành phố Đà Nẵng ban hành, trong đó có bãi bỏ Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND. Như vậy, các chính sách hỗ trợ phát triển

Bảng 1: Tổng hợp kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách Thành phố

Năm	Số lượng tàu đóng mới	Kinh phí hỗ trợ đóng mới	Kinh phí hỗ trợ đăng kiểm,...	Tổng kinh phí hỗ trợ đã được phê duyệt
2012	05	3.200.000.000	53.850.000	3.253.850.000
2013	06	3.650.000.000	50.726.000	3.700.726.000
2014	09	7.200.000.000	109.621.000	7.309.621.000
2015	11	8.800.000.000	119.803.000	8.919.803.000
2016	14	11.200.000.000	164.036.000	11.364.036.000
2017	27	21.600.000.000	300.849.000	21.900.849.000
2018	51	40.800.000.000	579.392.000	41.379.392.000
2019	18	14.400.000.000	193.651.000	14.593.651.000
Tổng	141	110.850.000.000	1.571.928.000	112.421.928.000

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng

thủy sản theo Quyết định 47/QĐ-UBND đã tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy ngư dân ven biển của thành phố đẩy mạnh mở rộng hoạt động sản xuất theo hướng xa bờ. Tuy nhiên, hiệu quả đánh bắt của ngành thủy sản thành phố có xu hướng giảm dần (Bảng 1).

3.2. Kết quả thực hiện Quyết định số 4991/2016/QĐ-UBND của UBND thành phố Đà Nẵng

Nhằm giảm áp lực lên nguồn lợi thủy sản ven bờ và thúc đẩy phát triển bền vững ngành thủy sản của thành phố Đà Nẵng, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 4991/2016/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án “Giảm số lượng tàu cá công suất nhỏ hơn 20 CV và thuyền thúng gắn máy công suất nhỏ hơn 20 CV khai thác hải sản ở vùng biển ven bờ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 - 2020”. Mục tiêu của Đề án là thu mua và xả bỏ các phương tiện có công suất nhỏ dưới 20 CV và thúng chai; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ngư dân khai thác thủy sản ven bờ. Từ khi triển khai chính sách, UBND thành phố đã hỗ trợ xả bỏ cho 130 phương tiện và hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 330 lao động, với tổng kinh phí gần 6 tỷ đồng (Bảng 2).

Bảng 2. Hỗ trợ xả bỏ phương tiện khai thác thủy sản ven bờ

STT	Địa phương	Số phương tiện (tàu, thúng máy)	Số lao động (người)	Số tiền hỗ trợ (đồng)
1	Quận Sơn Trà	92	268	4.750.000.000
2	Quận Thanh Khê	31	48	905.000.000
3	Quận Hải Châu	4	9	200.000.000
4	Quận Liên Chiểu	3	5	90.000.000
Tổng cộng		130	330	5.945.000.000

Nguồn: Chi cục Thủy sản thành phố Đà Nẵng

Việc ban hành, thực thi chính sách này bước đầu đem lại lòng tin cho người dân, khẳng định nỗ lực xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ ngư dân hoạt động khai thác hải sản ven bờ và chuyển đổi cơ cấu tàu thuyền của chính quyền thành phố. Tuy nhiên, sau một thời gian, công tác quản lý, thống kê phương tiện của các địa phương trên địa bàn chưa chặt chẽ làm phát sinh thêm phương tiện không đăng ký, khiến chính sách này dần không còn phù hợp với thực tiễn. Ngày 25-5-2018, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Công văn số 3867/UBND-KT về việc dừng thực hiện chính sách “xả bỏ” tàu cá, thuyền thúng công suất nhỏ. Trong đó, có nội dung tạm dừng thực hiện Quyết

định số 4991/QĐ-UBND ngày 26-7-2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Đề án “Giảm số lượng tàu cá công suất nhỏ hơn 20cv và thuyền thúng gắn máy công suất nhỏ hơn 20cv khai thác hải sản ven bờ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 - 2020” bắt đầu từ ngày 25-5-2018 đến khi có văn bản chỉ đạo tiếp theo của UBND thành phố.

Tiếp sau đó, UBND thành phố đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu nghị quyết hỗ trợ xả bỏ tàu hoạt động tại vùng biển ven bờ. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức thực hiện tuy nhiên gặp phải một số khó khăn như số lượng thực tế các phương tiện khai thác ven bờ (đã đăng ký và phương tiện phát sinh) tăng mạnh so với số liệu thống kê năm 2019 và công tác quản lý phương tiện khai thác ven bờ theo phân cấp của các địa phương chưa chặt chẽ; chưa có cơ sở đề xuất mức hỗ trợ đối với từng loại phương tiện (chiều dài, vật liệu vỏ, nghề khai thác,...) vì các địa phương chưa thực hiện kiểm tra thực tế và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý về chiều dài của phương tiện và trang thiết bị, ngư lưới cụ khai thác; vẫn còn xảy ra tình trạng chủ phương tiện đã được hỗ trợ xả bỏ theo Quyết định số 4991/QĐ-UBND quay lại làm nghề khai thác thủy sản ven bờ; các địa phương lân cận Đà Nẵng chưa ban hành chính sách hỗ trợ xả bỏ nên dễ xảy ra tình trạng ngư dân thành phố mua phương tiện khai thác ven bờ của tỉnh khác về hợp thức hóa để trục lợi chính sách, hoặc sau khi xả bỏ lại tiếp tục mua phương tiện về tiếp tục hoạt động đánh bắt ven bờ.

3.3. Kết quả thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP

Thành phố đã triển khai thực hiện đồng bộ, tuyên truyền và hỗ trợ ngư dân đóng mới, mua bảo hiểm thân tàu, thuyền viên theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. Theo đó, toàn thành phố có 7 phương tiện tàu cá đóng mới theo Nghị định 67 (gồm 5 tàu vỏ thép và 2 tàu vỏ gỗ), với tổng vốn vay là 117,146 tỷ đồng; có 2 tàu cá được hỗ trợ vay vốn nâng cấp theo Nghị định này với tổng vốn vay là 1,85 tỷ đồng; có tổng số gần 12,5 nghìn lượt mua bảo hiểm thuyền viên với tổng kinh phí hỗ trợ là 3,74 tỷ đồng và 743 lượt mua bảo hiểm thân tàu với kinh phí hỗ trợ là 16,16 tỷ đồng. Ngoài ra, thành phố cũng đã triển khai hỗ trợ duy tu, sửa chữa cho các phương tiện được đóng mới theo Nghị định này lên đến 551 triệu đồng. Tuy nhiên, hiệu

quả hoạt động đánh bắt của các phương tiện này rất kém, do đó nhiều chủ phương tiện đã bán hoặc thanh lý và tạo ra nợ xấu⁸. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lợi thủy sản suy giảm, chi phí sản xuất tăng lên; các phương tiện tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới không phù hợp với tập quán đánh bắt truyền thống của ngư dân; công nghệ đánh bắt chưa được chú trọng; chi phí duy tu, bảo dưỡng hằng năm cho tàu vỏ sắt là khá lớn.

Nhằm tháo gỡ những vấn đề đặt ra của việc thực hiện Nghị định 67, Chính phủ đã ban hành Nghị định 89 bổ sung và gần nhất là Nghị định 17/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, do có nhiều rủi ro, nhất là nguồn lợi thủy sản suy giảm, chi phí sản xuất tăng cao, hiệu quả kinh tế của hoạt động ngư nghiệp thấp nên toàn thành phố không có phương tiện nào được đóng mới theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP.

3.4. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 255/2019/NQ-HĐND

Năm 2019, HĐND thành phố Đà Nẵng ban hành Nghị quyết số 255/2019/NQ-HĐND về hỗ trợ mua bảo hiểm thân tàu, thiết bị giám sát hành trình, máy móc, thiết bị dùng trong khai thác thủy sản. Đến nay, UBND thành phố đã hỗ trợ khoảng 22,92 tỷ đồng cho 977 lượt tàu cá của 860 chủ tàu cá. Cụ thể, thành phố đã hỗ trợ mua bảo hiểm thân tàu cho 413 lượt tàu cá với tổng kinh phí gần 4,3 tỷ đồng; hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình cho 560 tàu cá với kinh phí gần 18 tỷ đồng; hỗ trợ hơn 700 triệu đồng mua máy móc, thiết bị dùng trong bảo quản sản phẩm, máy và thiết bị dùng trong khai thác thủy sản⁹. Đồng thời, thành phố cũng đã hỗ trợ 100% kinh phí thẩm định giá cho các hộ gia đình ngư dân. Nhìn chung, Nghị quyết số 255/2019/NQ-HĐND được triển khai quyết liệt, rộng khắp trong cộng đồng ngư dân nhằm đầu tư trang thiết bị, nâng cấp máy móc thiết bị phục vụ cho nhu cầu hoạt động ngư nghiệp cho ngư dân. Đặc biệt, các phường An Hải Bắc, Nại Hiên Đông, Thọ Quang của quận Sơn Trà; phường Thuận Phước của quận Hải Châu; phường Xuân Hà, Thanh Khê Đông của quận Thanh Khê; Hòa Minh của quận Liên Chiểu đều triển khai thực hiện khá tốt Nghị quyết này.

4. Một số vấn đề đặt ra đối với thực hiện chính sách phát triển ngành khai thác thủy sản tại thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất, chính sách xả bản phương tiện khai thác ven bờ chưa phát huy được hiệu quả. Thực tiễn nghiên

cứu tại các khu vực, địa phương thực hiện xả bản cho thấy, có nhiều vấn đề phát sinh như khó khăn trong chuyển đổi nghề nghiệp cho ngư dân; hình thành nên một số phương tiện có công suất nhỏ không có đăng ký. Nguyên nhân là do đặc trưng nghề nghiệp, tập quán và trình độ của ngư dân khó phù hợp với yêu cầu thực tiễn của các công việc khác. Việc xuất hiện các phương tiện không có đăng ký là do thành phố không ưu tiên phát triển phương tiện công suất nhỏ và chủ phương tiện đăng ký xả bản sau một thời gian đã quay lại hoạt động khai thác thủy sản không đăng ký.

Thứ hai, các chính sách hỗ trợ theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP, được bổ sung ở Nghị định 89/NĐ-CP và hiện nay là Nghị định 17/2018/NĐ-CP đã và đang tiềm ẩn nhiều rủi ro lớn cho hộ gia đình ngư dân. Thực tiễn cho thấy, có rất nhiều ngư dân là lao động sản xuất giỏi, có năng lực ngư nghiệp tốt nhưng khi đóng mới các phương tiện tàu vỏ thép, công suất lớn thì lại hoạt động kém hiệu quả. Nhìn chung, các phương tiện của thành phố được đóng mới theo Nghị định 67 đều hoạt động kém hiệu quả, đa số đều nằm bờ do thua lỗ.

Thứ ba, hỗ trợ bảo hiểm thân tàu là chính sách hỗ trợ quan trọng với ngư dân đánh bắt ở vùng biển xa, song các đơn vị bảo hiểm chỉ áp dụng đối với các phương tiện được đóng mới không quá 20 năm. Điều đó đã ảnh hưởng lớn đến nguyện vọng muốn được bảo hiểm thân tàu của các phương tiện có đóng mới từ 20 năm trở lên.

Thứ tư, chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do bị thiên tai trên biển theo Quyết định 118/QĐ-TTg của Chính phủ gặp khó khăn trong thực thi do gặp khó khăn trong xác minh thiệt hại, mức hỗ trợ chưa được quy định chi tiết về mức độ thiệt hại được xem xét hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ, đơn vị chịu trách nhiệm xác minh thông tin tai nạn...

Thứ năm, công tác thống kê, quản lý phương tiện khai thác ven bờ theo phân cấp của các địa phương chưa chặt chẽ. Qua rà soát của ngành nông nghiệp thành phố, hiện chỉ có 25,4% tàu cá đã đăng ký được cấp giấy phép khai thác thủy sản và phát sinh thêm 646 phương tiện chưa đăng ký gồm 294 tàu cá và 352 thùng máy. Công tác điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm và điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản chưa được

tổ chức thực hiện. UBND các phường không có cán bộ chuyên trách về lĩnh vực thủy sản nên việc theo dõi, rà soát thống kê hiện trạng hoạt động của tàu cá, báo cáo số liệu còn chưa thường xuyên.

Thứ sáu, chính sách hỗ trợ ngành khai thác xa bờ quy định về thời gian chuyển biển và nghề khai thác được hỗ trợ chưa phù hợp với một số nghề như câu mực xa khơi, nghề dịch vụ khai thác hải sản, lồng bẫy lươn biển. Chưa có những quy định cụ thể về niêm phong máy VX-1.700 trên tàu cá. Chưa có quy định về xử lý khi phát hiện các trường hợp làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ không trung thực hoặc chủ tàu có hành vi tiếp tay cho chủ tàu khác lập hồ sơ không đúng thực tế. Do trình độ và ý thức chưa cao nên khá nhiều chủ tàu chưa thực hiện tốt các hướng dẫn về ghi và nộp nhật ký khai thác thủy sản.

5. Một số đề xuất hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển khai thác thủy sản tại thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất, tập trung tháo gỡ khó khăn cho các chủ phương tiện được đóng mới theo Nghị định 67. Đầu tiên, cần đánh giá các nguyên nhân khiến tàu hoạt động không hiệu quả, từ đó hỗ trợ ngư dân tiếp tục nâng cao hiệu quả đánh bắt trong vựa khơi, bám biển. Đối với các trường hợp không thể tiếp tục hoạt động đánh bắt, cần thiết có những hỗ trợ kịp thời để ngư dân xử lý tài sản, thanh lý tài sản để thực hiện giải quyết nợ xấu. Đề xuất những giải pháp giữa các bên phối hợp giải quyết đối với tài sản này. Đa số các phương tiện này hoạt động kém hiệu quả và nằm bờ, do vậy cần nhanh chóng giải quyết. Bên cạnh đó, cần chuyển đổi các gói hỗ trợ ngư dân đóng tàu phù hợp với năng lực sản xuất, phù hợp với thực tiễn sản xuất của cộng đồng ngư dân ven biển thành phố.

Thứ hai, chính sách hỗ trợ xăng dầu hiện nay theo Quyết định 48 đã đóng vai trò hết sức quan trọng giúp ngư dân an tâm vươn khơi, bám biển. Tuy nhiên, chính sách này cũng bắt đầu tạo tâm lý ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước mà không chú trọng nâng cao hiệu quả đánh bắt. Do vậy, ở góc độ quản lý nhà nước, các chính sách hỗ trợ nhiên liệu chỉ nên tập trung hỗ trợ một số ngành nghề đánh bắt ở ngư trường vùng biển khơi xa (Trường Sa, Hoàng Sa), một số ngành nghề có hiệu quả đánh bắt thấp. Như vậy, chính sách hỗ trợ nhiên liệu cần được điều chỉnh theo hướng tránh tình trạng cào bằng trong hỗ trợ nhiên liệu cho mọi đối tượng

như hiện nay. Ngoài ra, cần minh bạch hóa công tác hỗ trợ nhiên liệu, xây dựng quy trình phân phối tiền hỗ trợ hợp lý giữa chủ tàu và thuyền viên trên nguyên tắc hỗ trợ chi phí nhiên liệu cho chuyến đi biển để tránh tình trạng chỉ hỗ trợ cho chủ tàu; xây dựng quy chế phối hợp gắn với trách nhiệm cụ thể giữa kiểm ngư, biên phòng, Sở NN&PTNT trong xác định đúng số tiền hỗ trợ, đảm bảo công bằng, tránh tình trạng hỗ trợ không đúng đối tượng gây thất thoát và giảm hiệu quả tiền hỗ trợ từ ngân sách. Bên cạnh đó, cần quy định chặt chẽ hơn về thời gian cho mỗi chuyến biển, quy định niêm phong các thiết bị giám sát hành trình, quản lý và chế tài xử lý các vấn đề liên quan đến thực thi chính sách hỗ trợ của Quyết định 48/QĐ-TTg.

Thứ ba, cần nâng cao công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác thủy sản ven bờ nhằm hạn chế tình trạng đánh bắt tận diệt tài nguyên ven bờ thông qua kiểm soát tốt các hoạt động khai thác trái phép. Bước đầu đề xuất và xây dựng các quy định hỗ trợ ngư dân ven bờ tham gia vào các mô hình khai thác bảo tồn, khai thác theo kích cỡ, khai thác đi đôi với bảo vệ đa dạng sinh học, hệ sinh thái và môi trường biển. Cụ thể, các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác vùng ven bờ ở khu vực Sơn Trà cần kết hợp với bảo tồn tài nguyên, nguồn lợi biển. Đồng thời, thực hiện các chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi từ khai thác ở vùng lòng sông vùng khơi trên đội tàu quy mô vừa.

Thứ tư, tháo gỡ các quy định về bảo hiểm phương tiện khai thác thủy sản xa bờ để tạo điều kiện cho các chủ phương tiện thuận lợi trong việc tiếp cận bảo hiểm. Đặc biệt, đối với các phương tiện có thời hạn sử dụng trên 20 năm cần có quy định kiểm định độc lập để có các phương án hỗ trợ ngư dân tiếp cận với bảo hiểm thân tàu. Điều này sẽ giúp ngư dân yên tâm vươn khơi bám biển phát triển khai thác thủy sản.

Thứ năm, đối với chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục thiên tai, thành phố cần kiến nghị trung ương điều chỉnh phù hợp với thực tiễn của hoạt động KTTS và giao cho các địa phương chủ động ban hành các quy định cụ thể nhằm hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai gây ra.

Thứ sáu, đối với lĩnh vực bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản: Thành phố cần tổ chức thực hiện điều tra nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các

Xem tiếp trang 59

dựng các thành phần thể trận, nhất là thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phòng thủ dân sự của khu vực phòng thủ. Nghiên cứu điều chỉnh thể bố trí chiến lược, lực lượng Quân đội phù hợp phương hướng xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại theo tinh thần Nghị quyết XIII đã đề ra. Coi trọng bố trí lực lượng bảo vệ theo địa bàn, tác chiến theo khu vực. Tăng cường công tác an ninh biên giới, tổ chức tuần tra phòng chống vượt biên trái phép, xử lý pháp luật đối với số đối tượng cốt cán, cầm đầu, các đối tượng ngoan cố đưa ra kiểm điểm trước dân; tăng cường công tác quản lý các đối tượng đã bị xử lý trả về, không để mọc nổi hoạt động trở lại. Công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh cần có sự tính toán kỹ, phù hợp với chiến lược phòng thủ của Tỉnh và Quân khu, kết hợp kinh tế với quốc phòng đảm bảo yêu cầu giữ vững an ninh và huy động tốt tiềm lực trong mọi tình huống.

1, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTST - ST, H, 2021, tr. 157, 155.

2. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai*, Nxb CTQG, H, 2009, tr. 21.

3, 6. Tỉnh ủy Gia Lai: Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 18-01-2002 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010 và Kết luận số 12-KL/TW, ngày 24-10-2011 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục thực hiện Nghị Quyết 10-NQ/TW

của Bộ Chính trị khóa IX phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020, Gia Lai, ngày 22-6-2022.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

7. Tỉnh ủy Gia Lai: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và xây dựng hệ thống chính trị tỉnh Gia Lai từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đến nay, Gia Lai ngày 19-5-2022.

8. Kiện toàn 198 ban công an xã với hơn 3.000 công an viên; xây dựng hơn 7.000 tổ an ninh nhân dân, tổ bảo vệ dân phố, dân phòng, tổ tự quản về an ninh trật tự, tổ hòa giải tại các thôn, làng. Tổ chức phát động quần chúng ở 4.010 lượt thôn, làng, tổ dân phố với hơn 319.385 lượt người tham dự. Đưa 4.091 lượt đối tượng vi phạm pháp luật, nhất là số hoạt động Furlo ra kiểm điểm trước nhân dân. Tiếp xúc 34.124 lượt người uy tín, chức sắc các tôn giáo, già làng.

9. Đấu tranh xóa bỏ 296 khung Furlo, 323 khung “Tin Lành Đê-ga” từ cấp tỉnh đến làng, bắt 2.597 đối tượng cầm đầu cốt cán, gọi hỏi răn đe 6.282 đối tượng khác; vận động trình diện, tự thú 1.324 đối tượng; vận động 5.529 đối tượng “Tin Lành Đê-ga” quay về tin lành Việt Nam (miền Nam), buộc 11.990 đối tượng khác cam kết từ bỏ hoạt động “Tin Lành Đê-ga”, đình chỉ hoạt động tín ngưỡng trái phép tại nhà; tổ chức các lớp giáo dục, giác ngộ chính trị tập trung cho hơn 10.000 lượt đối tượng, quản lý giáo dục 4.388 đối tượng Furlo tại cộng đồng.

10. Toàn tỉnh có 17 đơn vị hành chính cấp huyện với 220 đơn vị hành chính cấp xã, 1.576 thôn, làng, tổ dân phố, trong đó có 01 huyện nghèo, 43 xã đặc biệt khó khăn, 07 xã biên giới, 384 thôn, làng đặc biệt khó khăn.

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGÀNH...

loài thủy sản vùng biển ven bờ. Kết quả điều tra sẽ giúp UBND thành phố thành lập các khu bảo tồn nguồn lợi thủy sản; khu vực cấm khai thác có thời hạn theo thẩm quyền. Hỗ trợ các tổ chức cộng đồng thực hiện các mô hình đồng quản lý trong đánh bắt thủy sản gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ. Chú trọng hỗ trợ công nghệ bảo quản sản phẩm, hỗ trợ xây dựng các mô hình chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản từ khâu cung ứng dịch vụ hậu cần đến khai thác, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân.

Thứ bảy, tăng cường hơn nữa công tác quản lý phương tiện khai thác thủy sản; nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ cơ sở trong việc quản lý các phương tiện khai thác thủy sản đáp ứng yêu cầu phát triển ngành thủy sản thành phố trong

Tiếp theo trang 69

bồi cảnh mới. Tổ chức thực hiện công tác điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm và điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản, nhất là tại vùng ven biển.

1, 2, 4, 7, 8, 9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP Đà Nẵng: Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển khai thác thủy sản, Đà Nẵng (Báo cáo làm việc với ISSCR), 2022.

3. Trước đây, quy định phương tiện khai thác xa bờ công suất máy chính từ 90CV trở lên; hiện nay thực hiện theo quy định mới về khai thác thủy sản vùng khơi là tàu có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên (Nghị định 26/2019/NĐ-CP).

5. *Niên giám Thống kê Việt Nam*, Nxb Thống kê, 2021.

6. Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng: *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng năm 2021*, Nxb Thống kê, 2021.